

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 09/5/2025.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2025/TLST-HN&GD ngày 05 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị H**; năm sinh: 1998; địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lường Thị H: Bà Lê Thị Thúy A - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lường Văn N**, sinh năm 1992; nơi ĐKTT: Bản Phung, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; hiện đang chấp hành án tại: Đ, phân T, Trại giam S, thị trấn Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2025 và bản tự khai nguyên đơn chị Lường Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lường Thị H và anh Lường Văn N chung sống như vợ chồng từ năm 2015 đến ngày 27/12/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2020, thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Lường Văn N sử dụng chất ma túy không chịu khó làm ăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù chị Lường Thị H đã

nhiều lần khuyên nhưng anh Lường Văn N không thay đổi. Năm 2021 anh Lường Văn N đi làm thuê ở Quảng Ninh bị bắt bị xét xử về phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang phải chấp hành án. Chị Lường Thị H và anh Lường Văn N đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Chị Lường Thị H không còn tình cảm với anh Lường Văn N, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lường Văn N.

Về con chung: Chị Lường Thị H và anh Lường Văn N có 01 con chung; cháu Lường Mạnh T, sinh ngày 09/3/2016 hiện chị Lường Thị H đang trực tiếp nuôi dưỡng con. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Lường Mạnh T, sinh ngày 09/3/2016 cho chị Lường Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị Lường Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và tài sản riêng; nợ chung và nợ riêng: Chị Lường Thị H và anh Lường Văn N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trình bày: Chị Lường Thị H và anh Lường Văn N chung sống như vợ chồng từ năm 2015 đến ngày 27/12/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2020, thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Lường Văn N sử dụng chất ma túy không chịu khó làm ăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, chị Lường Thị H không còn tình cảm với anh Lường Văn N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lường Văn N. Xét thấy mâu thuẫn của chị Lường Thị H và anh Lường Văn N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên xử chị Lường Thị H được ly hôn với anh Lường Văn N. Về con chung đề nghị giao cháu Lường Mạnh T, sinh ngày 09/3/2016 cho chị Lường Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động; chị Lường Thị H đang đi làm công nhân ở thành phố Hà Nội, có thu nhập đảm bảo được cuộc sống hàng ngày cho con, không yêu cầu anh Lường Văn N cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Lường Thị H.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Lường Văn N khai trình bày: Anh Lường Văn N và chị Lường Thị H đăng ký kết hôn ngày 27/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc được 06 năm, đến ngày 03/4/2021 anh Lường Văn N bị bắt, xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại số 5. Anh chị có 01 người con chung cháu Lường Mạnh T, sinh ngày 09/3/2016, hiện do chị Lường Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi chấp hành án xong anh xin trực tiếp nuôi dưỡng con. Tài sản chung của anh chị gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 xe máy do chị Lường Thị H đang quản lý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo không có yêu cầu, kiến nghị gì. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị H. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lường Thị H, bị đơn anh Lường Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ, đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt chị Lường Thị H và anh Lường Văn N tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về kết hôn: Chị Lường Thị H và anh Lường Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/12/2016 của Ủy ban nhân dân xã Q xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị H và anh Lường Văn N là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị Lường Thị H khai nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Lường Văn N sử dụng chất ma túy không chịu khó làm ăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay; mặt khác anh Lường Văn N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang phải chấp hành án phạt tù. Lời khai của anh Lường Văn N, chị Lường Thị H phù hợp với biên bản xác minh ngày 10/4/2025. Chị Lường Thị H yêu cầu ly hôn anh Lường Văn N nhất trí ly hôn.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị Lường Thị H về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với lời khai của anh Lường Văn N; bởi thực tế anh chị đều

khai đã sống ly thân và trong thời gian sống ly thân anh chị không ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử nhận định chị Lương Thị H, anh Lương Văn N không còn tình cảm vợ chồng; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị H.

[4] Về con chung: Anh Lương Văn N đang chấp hành án phạt tù, hiện tại chị Lương Thị H đang trực tiếp nuôi dưỡng Lương Mạnh T, sinh ngày 09/3/2016, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con. Xét thấy, yêu cầu nuôi con sau ly hôn của chị Lương Thị H phù hợp với nguyện vọng của con muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Căn cứ theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Lương Thị H làm công nhân có thu nhập đảm bảo cuộc sống của các con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị H, anh Lương Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Phát biểu của kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: Xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lương Thị H là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí: Chị Lương Thị H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 9, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lương Thị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lường Thị H đối với bị đơn anh Lường Văn N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị H được ly hôn anh Lường Văn N.
- Về con chung:

Chị Lường Thị H có nghĩa vụ, quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lường Mạnh T, sinh ngày 09/3/2016. Chị Lường Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lường Thị H có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Lường Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Lường Thị H và anh Lường Văn N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị H.

3. Quyền kháng cáo: Chị Lường Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/5/2025). Anh Lường Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm tại Đ, phân T, Trại giam S, thị trấn Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- UBND xã Q
(Cơ quan thực hiện ĐKKH);
- Người BVQVLIHP của ĐS;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương